



CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ



# **BẢN TỰ CÔNG BỐ**

## **NƯỚC CHẤM CHAY SALA**

**SỐ 28/PTMN/2022**

# CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 28/PTMN/2022

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ.

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến Nước mắm, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 02523.813.156

Fax: 02523.710169

Email: [info@nuocmamphanthietmuine.com](mailto:info@nuocmamphanthietmuine.com)

Mã số doanh nghiệp: 3401 108 327

Giấy chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn theo yêu cầu của HACCP Codex Alimentarius: 5065/QĐ-QUACERT.

Ngày cấp: 12/10/2021

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT).

### II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NƯỚC CHẤM CHAY SALA

2. Thành phần:

Thành phần cấu tạo:

Thành phần chính ( $\geq 98\%$ ): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.

Thành phần khác ( $\leq 2\%$ ): Nước, chất điều vị (INS 627, 631), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hóa (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 150a), hương liệu tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai và được ghi trên thùng giấy carton.

#### **4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

1.1 Chất liệu bao bì: Bao bì chứa đựng trực tiếp nước chấm chay là:

a) Các chai nhựa PET, thể tích: từ 39 ml đến 5 lít

b) Can nhựa, thể tích từ 19 lít đến 30 lít

c) Các chai thủy tinh, thể tích từ 39 ml đến 750ml

1.2 Quy cách đóng gói: Các chai được đựng trong hộp giấy hoặc thùng carton:

05 chai x 39ml, 06 chai x 60ml, 02 chai x 500 ml, 12 chai x 500 ml, 24 chai x 500 ml, 12 chai x 520 ml, 12 chai x 620 ml, 15 chai x 750 ml, 04 chai x 5 lít, 01 can x 20 lít, 01 can x 30 lít ....

#### **5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ

Địa chỉ: Lô 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, TP. PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN.

#### **III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)**



THỂ TÍCH THỰC:  
620 ml

**Thành phần cấu tạo:**

Thành phần chính (≥ 98%): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.

Thành phần khác (≤ 2%): Nước, chất điều vị (INS 627, 631), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hóa (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 50a), hương tổng hợp.



**NƯỚC CHẤM CHAY THUẦN VIỆT**

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:**

Dùng để chấm hoặc làm gia vị chế biến các món ăn chay. Chay, mặn đều dùng được.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Đậy kín nắp ngay sau khi sử dụng. Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

**Thông tin cảnh báo:**

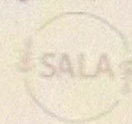
Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm với các thành phần của sản phẩm.

**NSX:** Xem trên bao bì sản phẩm  
**HSD:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất

**Sản phẩm của:**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ SALA PHAN

90/7 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 9, Quận 3  
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: 0935666416



**Sản xuất và đóng chai tại:**

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU  
NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ  
Lô 47 - 48 Khu chế biến nước mắm, P. Phú Hải  
TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam  
Số tự công bố: 28/PTAMN/2022

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

##### 1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Nâu cánh gián
2	Độ trong	Trong, không bị vẩn đục
3	Mùi	Mùi thơm nhẹ, dễ chịu, đặc trưng, không có mùi lạ.
4	Vị	Không mặn chát, không có vị lạ.
5	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

##### 2. Các chỉ tiêu chất lượng: Theo tiêu chuẩn cơ sở

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng muối NaCl trong khoảng	g/l	180-260

##### 3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng chì	mg/L	2.0
2	Hàm lượng arsen vô cơ	mg/L	1.0
3	Hàm lượng cadimi	mg/L	1.0
4	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	0.05

##### 4. Các chỉ tiêu vi sinh: Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/mL	$10^4$
2	Coliforms	CFU/mL	$10^2$
3	Clostridium perfringens	CFU/mL	10
4	Escherichia Coli	MPN/mL	0
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	3
6	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/mL	10

7	Salmonella	PH/25mL	0
---	------------	---------	---

**5. Dư lượng thuốc BVTV:** Theo thông tư 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Carbendazim	mg/L	5
2	Clothianidin	mg/L	0.01
3	Diazinon	mg/L	0.1
4	Dimethormorph	mg/L	0.01
5	Disulfoton	mg/L	0.1
6	Ethephon	mg/L	2
7	Heptachlor	mg/L	0.01
8	Metalaxyl	mg/L	0.1
9	Methidation	mg/L	0.05
10	Propiconazole	mg/L	0.02
11	Thiamethoxam	mg/L	0.01
12	Triadimefon	mg/L	5
13	Triadamenol	mg/L	5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp Phan Thiết, ngày 01 tháng 7 năm 2022

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ THỊ MỸ**



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
 BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
 TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
 TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
 ISO/IEC 17025 - ISO 9001

VILAS 266

VIMCERTS 129

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 – 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 21125519

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 24/12/2021

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ**

Địa chỉ/ Address: **LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: **17/12/2021**

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: **24/12/2021**

Tên mẫu/ Sample name: **NƯỚC CHẤM CHAY**

Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong chai nhựa** Số lượng/ Quantity:

**01**

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Carbendazim	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
02	Clothianidin	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
03	Diazinon	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
04	Dimethomorph	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
05	Disulfoton	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
06	Ethephon	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
07	Heptachlor	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.011/2019 (Ref.AOAC 2007.01- GC/ECD)
08	Metalaxyl	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
09	Methidathion	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)

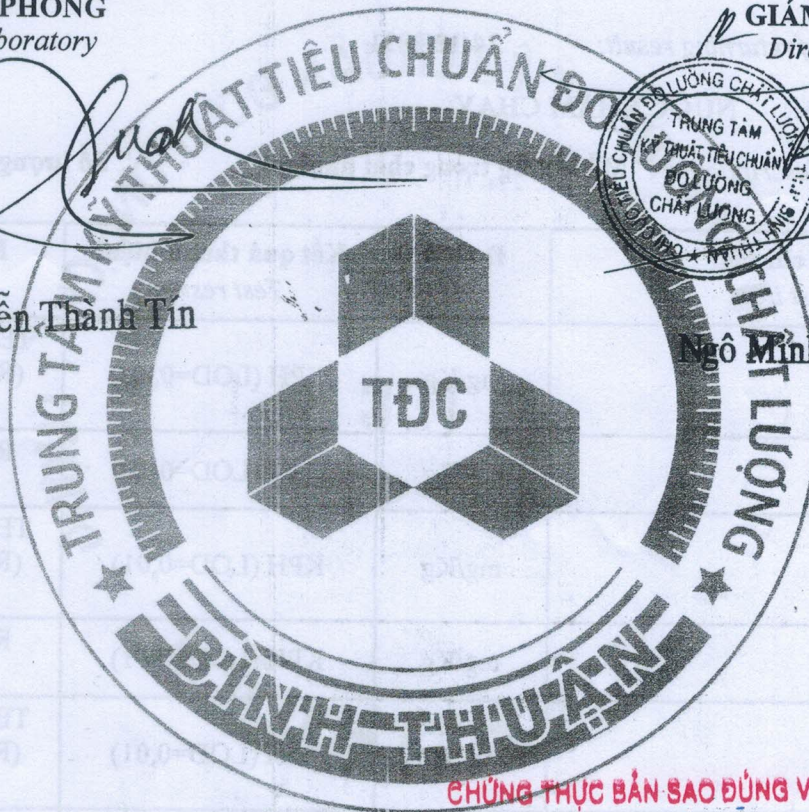
STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
10	Propiconazole	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.015/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
11	Thiamethoxam	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
12	Triadimefon	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (GC/MS)
13	Triadimenol	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (GC/MS)
14	Định lượng tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	< 1,0	TCVN 8275-1:2010(*)

TRƯỜNG PHÒNG  
Head of laboratory

GIÁM ĐỐC  
Director

Nguyễn Thanh Tín

Ngô Minh Toàn



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng Thực 8.6.1.2.....Quyển số: 01-SCT/BS

Ngày 08/10/2022.....

PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HƯNG



Lương Minh Triết

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.





VILAS 266

VIMCERTS 129

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
 BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
 TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
 TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
 ISO/IEC 17025 - ISO 9001

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 – 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 21125462

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 24/12/2021

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MỬI NÉ

Địa chỉ/ Address: LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 17/12/2021

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 24/12/2021

Tên mẫu/ Sample name: NƯỚC CHẤM CHAY

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Natri clorua (NaCl)	g/L	200	TCVN 3702: 2009
02	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
03	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
04	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4991:2005(*)
05	Coliform tổng	CFU/ml	< 1,0	TCVN 6848:2007 (*)
06	Escherichia coli	MPN/ml	0	TCVN 6846:2007 (*)
07	Salmonella	PH/25ml	KPH	TCVN 10780-1:2017(*)
08	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4830-1:2005 (*)
09	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	$6,3 \times 10^2$	TCVN 4884-2:2015(*)
10	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,01)	AOAC 986.15 (*)
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 7604:2007

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
12	Cảm quan		Màu sắc: Nâu vàng. Độ trong: Trong, không vẩn đục. Mùi: Mùi thơm đặc trưng. Vị: Không mặn chát, không có vị lạ. Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.	TCVN 3215:1979

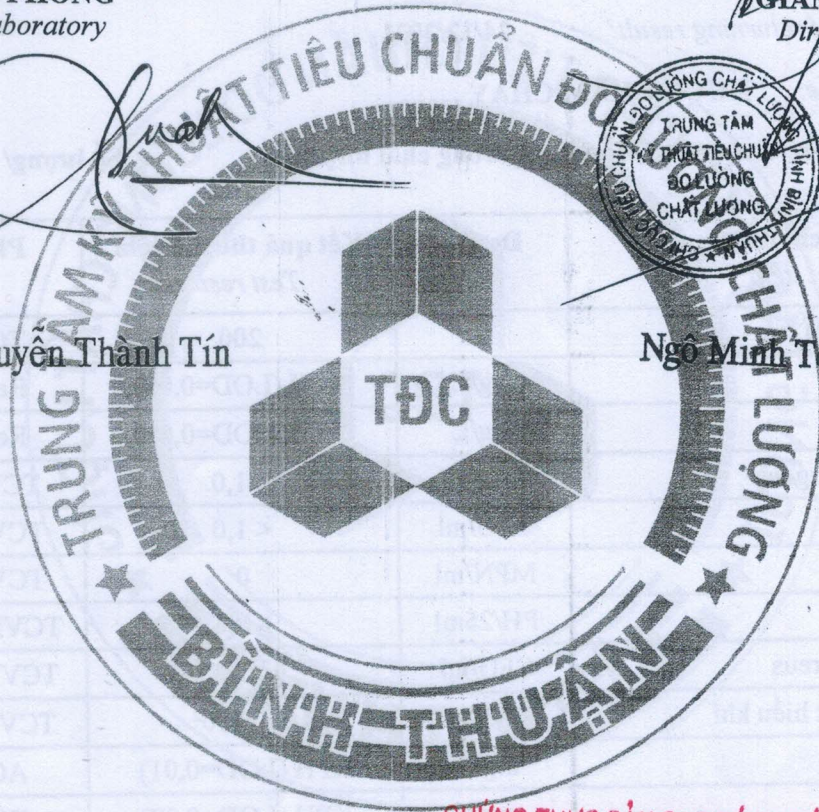
Hàm lượng Nitơ amoniac và hàm lượng Nitơ acid amin được tính bằng % so với hàm lượng Nitơ toàn phần.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
Head of laboratory

**GIÁM ĐỐC**  
Director

Nguyễn Thành Tín

Ngô Minh Toàn



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số Chứng Thực..... 8 6 1 1 ..... Quyền số: 01-SCT/BS

Ngày..... 08 -10- 2022 .....

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HƯNG**



**Lương Minh Triết**

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.